



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)**  
**SAIGON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**

Số/No : 00181



Tên phương tiện đo :

**PHƯƠNG TIỆN THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**

Object

**TENSILE - COMPRESSION TESTING INSTRUMENTS**

Kiểu :

WDW – 50

Số hiệu : 150601

Type

Serial N.<sup>o</sup>

Nơi sản xuất :

Trung Quốc/

Năm : 2015

Manufacturer

China

Year

Đặc tính kỹ thuật đo lường :

\* Phạm vi đo/ Range : (0 ÷ 50) kN

Specification

\* Độ phân giải/ Resolution : 0,01 kN

Nơi sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Place

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân,

Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

User

Số 16 Đường số 2, KDC Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình,

Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định:

ĐLVN 336 : 2020

Method of Verification

Phương tiện thử độ bền kéo nén – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

TB.30 – Chuẩn lực / Force standard

TB.33 – Chuẩn lực / Force standard

Số tem kiểm định/ Verification stamp No. :

00181

Kết quả/ Results :

Xem kết quả trang sau/ Results see next page

Ngày kiểm định đề nghị :

20 / 04 / 2027

Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Lab.

**GIÁM ĐỐC**

Director

Tôn Nhất Vi



Nguyễn Hà Minh Huy



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH  
(VERIFICATION RESULTS)

Số tem kiểm định/ Verification stamp No : **00181**

Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification  
Phương hướng kiểm định/ Direction of Verification : Nén / Compression  
- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions :  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(60 \pm 10) \% \text{RH}$

Giá trị chỉ thị/ Indication value	Giá trị chuẩn/ Reference value	Sai số tương đối/ Relative Error	Độ tái lập tương đối/ Relative repeatability	Độ phân giải tương đối/ Relative resolution
( kN )	( kN )	(%)	(%)	(%)
0,00	0,000	N/A	N/A	N/A
10,00	9,944	0,56	0,18	0,100
20,00	19,874	0,63	0,23	0,050
30,00	29,917	0,28	0,08	0,033
40,00	39,829	0,43	0,19	0,025
50,00	49,987	0,03	0,20	0,020

Độ lệch điểm "0" tương đối/ Relative zero point deviation :  $-0,002 \%$

Phương tiện thử độ bền nén đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo : ĐLVN 336 : 2020;  
Cấp Chính xác : 1/ The Compression Testing Instrument complying with the metrological  
requirements; Accuracy class : 1

Ngày thực hiện : 20 / 04 / 2026  
(Date of Verification)

Người thực hiện  
(Verified by)



Nguyễn Đức Khôi

**Ghi chú:**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác"
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,  
Tp. Cần Thơ - ĐT : 0909.992665 - 0775.992665  
Email : doluongcantho@gmail.com

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

# GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0095 /MKN/2026



Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**  
Object:  
Kiểu: **TYA100C** Số/Mã QL: **001**  
Type: Serial No./ Tag No.:  
Nơi sản xuất: **China** Năm: **2009**  
Manufacturer: Year:  
Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**  
Specifications: Accuracy class:  
- Phạm vi đo: **(0 ÷ 100) kN** - Giá trị độ chia: **0,001 kN**  
Range: Actual scale interval:  
Nơi sử dụng: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH - PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
Place: **Số 16, đường số 2 KDC Vạn Phúc, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh**  
Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
User: **53/137/8/21/7 đường 4, khu phố 25, phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh**  
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình kiểm định**  
Method of verification: **kiểm định**  
Chế độ kiểm định: **Ban đầu**  
Type of verification:  
Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**  
Conclusion:  
Số tem kiểm định: **65A 12827**  
Verification stamp N°:  
Thời hạn đến: (\*) **14-4-2027**  
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
**VERIFICATION RESULTS**

0095 /MKN/2026

- Phương kiểm định:  
*Direction of verification:*

Nén  
*Compression*

**Phạm vi đo (Range):** (0 ÷ 100) kN

Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i>	Sai số tương đối <i>Relative Error</i>
kN	kN	%
0,000	0,000	/
20,000	19,943	0,29
40,000	39,814	0,47
60,000	59,610	0,65
80,000	80,021	-0,03
100,000	99,660	0,34

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG VIỆT

N379

Trụ sở chính: Số nhà 12, ngõ 7, đường Phú Mỹ,  
Phường Từ Liêm, TP Hà Nội  
Văn phòng đại diện: 1/12/32 Võ Oanh, Phường Thạnh  
Mỹ Tây, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0917 333 000 Website: doluongviet.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số(Nº): ĐLV.M.260615017



Tên phương tiện đo/ Measuring instrument : Cân kỹ thuật Số/Serial N°: 1700341  
Kiểu/Type : VMS-GS 203 Hình thức/form: Định kỳ  
Nơi sản xuất/Manufacturer : SHINKO DENSHI  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/Specifications :  
- Mức cân lớn nhất : Max = 200 g  
- Giá trị độ chia kiểm : e = 0,01 g  
- Giá trị độ chia : d = 0,001 g  
- Mức cân nhỏ nhất : Min = 0,2 g  
- Cấp chính xác : 2  
Nơi sử dụng/Place: 53/137/8/21/7 Đường 4, Kp 25, Phường Bình Tân, TP.HCM  
Đơn vị sử dụng/User: CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
Phương pháp kiểm định/The method used : DLVN 16:2021  
Kết luận/Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường  
Số tem kiểm định/Verification stamp N° : 68A-272004  
Thời hạn đến/Valid until(\*) : 15/06/2027

TP.HCM, Ngày 15 tháng 6 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verified by

Trương Văn Đặng

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vice Director



Lê Văn An

Ghi chú: (\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

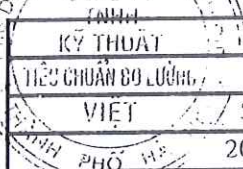
Trang 1  
(Page 1)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Công ty TNHH kỹ thuật tiêu chuẩn Đo Lường Việt.  
This certificate of verification shall not be reproduced except in full, without the consent of the Viet Metrology Technical Standards Company Limited.

# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RESULTS OF VERIFICATION

Số(N°): DLV.M.260615017

1. Giới hạn sai số cho phép khi kiểm định ban đầu và định kỳ.



KỸ THUẬT	Mức cân	Giới hạn sai số cho phép
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG	$0 < m \leq 5000 e$	$\pm 0.5 e$
VIỆT	$5000 e < m \leq 20000 e$	$\pm 1.0 e$
PHỐ HẢI PHÒNG	$20000 e < m \leq 100000 e$	$\pm 1.5 e$

2. Giới hạn sai số cho phép khi kiểm định bất thường bằng hai lần giới hạn sai số cho phép khi kiểm định ban đầu và định kỳ.

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION  
Số(N°): ĐLV.M.260417005



Tên phương tiện đo/ Measuring instrument : Cân phân tích Số/Serial N°: 221109  
Kiểu/Type : FPA214 Hình thức/form: Định kỳ  
Nơi sản xuất/Manufacturer : N/A  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/Specifications :  
- Mức cân lớn nhất : Max = 210 g  
- Giá trị độ chia kiểm : e = 1 mg  
- Giá trị độ chia : d = 0,1 mg  
- Mức cân nhỏ nhất : Min = 0,01 g  
- Cấp chính xác : 1  
Nơi sử dụng/Place: 53/137/8/21/7 Đường 4, Kp 25, Phường Bình Tân, TP.HCM  
Đơn vị sử dụng/User: CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
Phương pháp kiểm định/The method used : ĐLVN 16:2021  
Kết luận/Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường  
Số tem kiểm định/Verification stamp N° : 68A-271993  
Thời hạn đến/Valid until(\*) : 17/04/2027

TP.HCM, Ngày 17 tháng 4 năm 2026  
Date of issue

Kiểm định viên  
Verified by

Trương Văn Đặng

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vice Director



Lê Vĩnh An

Ghi chú: (\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RESULTS OF VERIFICATION

Số(N°): ĐLV.M.260417005



**Giới hạn sai số cho phép khi kiểm định ban đầu và định kỳ.**

Mức cân	Giới hạn sai số cho phép
$0 < m \leq 5000 e$	$\pm 0,5 e$
$5000 e < m \leq 20000 e$	$\pm 1,0 e$
$20000 e < m \leq 100000 e$	$\pm 1,5 e$

2. Giới hạn sai số cho phép khi kiểm định bất thường bằng hai lần giới hạn sai số cho phép khi kiểm định ban đầu và định kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)**  
**SAIGON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/No : 00180



Tên phương tiện đo :  
*Object*

**CÂN KỸ THUẬT/  
TECHNICAL BALANCE**

Kiểu : GS 3kg  
*Type*

Số hiệu : 2035682052  
*Serial N.<sup>o</sup>*

Nơi sản xuất : Nhật Bản/  
*Manufacturer Japan*

Năm : N/A  
*Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*

\* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 3000 g \* Giá trị độ chia / *Division* : 0,01 g

\* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 2 g \* Cấp chính xác / *Acuracy class* : II

Nơi sử dụng :  
*Place*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân,  
Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:  
*User*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
Số 16 Đường số 2, KDC Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình,  
Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định:  
*Method of Verification*

ĐLVN 16 : 2021  
Cân phân tích và cân kỹ thuật – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :

Chuẩn khối lượng F1/ *Mass standards; class F1*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00180

Kết quả/ *Results* :

Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị :  
*Verification recommended*

20 / 04 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2026  
(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
*Head of Measurement Lab.*

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
(VERIFICATION RESULTS)

Số tem kiểm định/ Verification stamp No : **00180**

- Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification

- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions :  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(55 \pm 5) \% \text{RH}$

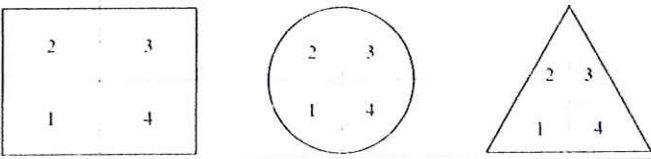
**1. Kiểm tra độ đồng: (g)**

Mức tải (g)	Chỉ thị I	0,1d	Chỉ thị I <sub>1</sub>	1,4d	Chỉ thị I <sub>2</sub>	I <sub>2</sub> - I <sub>1</sub> ≥ d
2	2,00	0,005	2,01	0,014	2,02	Đạt
3000	3000,01	0,005	3000,02	0,014	3000,04	Đạt

**2. Kiểm tra sai số điểm "0" : (g)**

L = 0	Mức tải L	Chỉ thị I	Đánh giá
L = Min	2	2,00	Đạt
E <sub>0</sub>	0,00		

**3. Kiểm tra độ lệch tâm: Tải L ≈ 1/3 Max = 1000 g**



**Bảng 4. Sai số cho phép lớn nhất (mpe)**

0	$\leq m1 \leq$	500	$\pm 0,05 \text{ g}$
500	$< m2 \leq$	2000	$\pm 0,1 \text{ g}$
2000	$< m3 \leq$	3000	$\pm 0,15 \text{ g}$

Vị trí	1	2	3	4
Chỉ thị I (g)	1000,00	1000,01	1000,01	1000,01
Sai số E (g)	0,00	0,01	0,01	0,01
Sai số hiệu chỉnh: $E_c = E - E_0 \leq mpe = 0,10 \text{ g}$			Đánh giá	Đạt

**4. Kiểm tra độ lặp lại: L ≈ Max = 3000 g**

Lần cân	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6
Chỉ thị I (g)	3000,01	3000,00	3000,01	3000,00	3000,01	3000,01
Sai số E (g)	0,01	0,00	0,01	0,00	0,01	0,01
$ E_{\text{max}} - E_{\text{min}}  = 0,01 \text{ g} \leq mpe = 0,15 \text{ g}$					Đánh giá	Đạt

**5. Kiểm tra độ đúng: (g)**

Tải trọng (g)	Chỉ thị I	Sai số E	Sai số E <sub>c</sub>	Đánh giá
0	0,00	0,00	0,00	Đạt
500	500,00	0,00	0,00	Đạt
1500	1500,01	0,01	0,01	Đạt
2000	2000,01	0,01	0,01	Đạt
3000	3000,01	0,01	0,01	Đạt

- Cân kỹ thuật : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 16 : 2021

Ngày thực hiện : 20 / 04 / 2026

(Date of Verification)

Người thực hiện

(Verified by)

**Nguyễn Đức Khôi**

**Ghi chú:**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác”  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2”

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số(N°): DLV.M.260417004

Tên phương tiện đo/ Measuring instrument : Cân đĩa Số/Serial N°: 180815113  
Kiểu/Type : VIBRA HAW-15 Hình thức/form: Tự nguyện  
Nơi sản xuất/Manufacturer : Nhật Bản  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/Specifications:  
- Mức cân lớn nhất : Max = 15000 g  
- Giá trị độ chia kiểm : e = 5 g  
- Mức cân nhỏ nhất : Min = 100 g  
- Cấp chính xác : 3

Nơi sử dụng/Place : 53/137/8/21/7 Đường 4, Kp 25, Phường Bình Tân, TP.HCM

Đơn vị sử dụng/User : CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Phương pháp kiểm định/The method used : DLVN 15:2009

Kết luận/Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định/Verification stamp N° : ĐK415-250720

Thời hạn đến/Valid until(\*) : 17/04/2027

TP.HCM, Ngày 17 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verified by

Trương Văn Đặng

PHÓ GIÁM ĐỐC

Office Director



Lê Vĩnh An

Ghi chú : (\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

Lưu ý : - Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.

# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RESULTS OF VERIFICATION

Số(N°): ĐLV.M.260417004



1. Sai số cho phép khi kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ và kiểm định sau sửa chữa.

Mức cân	Sai số cho phép lớn nhất
$0 < m \leq 500 \text{ e}$	$\pm 0,5 \text{ e}$
$500 \text{ e} < m \leq 2000 \text{ e}$	$\pm 1,0 \text{ e}$
$2000 \text{ e} < m \leq 10000 \text{ e}$	$\pm 1,5 \text{ e}$

Lưu ý : - Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,  
Tp. Cần Thơ - ĐT : 0909.992665 - 0775.992665  
Email : doluongcantho@gmail.com

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

# GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0096 /MKN/2026



Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**

Object:

Kiểu: **WEW-1000B**

Type:

Số/Mã QL: **091039**

Serial No./ Tag No.:

Nơi sản xuất: **China**

Manufacturer:

Năm: **2009**

Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**

Specifications:

Accuracy class:

- Phạm vi đo: **(0 ÷ 1000) kN**

Range:

- Giá trị độ chia: **0,01 kN**

Actual scale interval:

Nơi sử dụng:

Place:

**ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM  
ĐỊNH HƯNG THỊNH - PHÒNG THÍ NGHIỆM**

**Số 16, đường số 2 KDC Vạn Phúc, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh**

Người/Đơn vị sử dụng:

User:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

**53/137/8/21/7 đường 4, khu phố 25, phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh**

Phương pháp thực hiện:

Method of verification:

**ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình  
kiểm định**

Chế độ kiểm định:

Type of verification:

**Ban đầu**

Kết luận:

Conclusion:

**Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**

Số tem kiểm định:

Verification stamp N°:

**65A 12828**

Thời hạn đến: (\*)

Valid until:

**14-4-2027**

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

KY GIÁM ĐỐC  
KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG  
CẦN THƠ  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
Q. BÌNH TÂN - T.P. HỒ CHÍ MINH  
M.S.D.N: 180161857/C.T.C.P.

Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
**VERIFICATION RESULTS**

0096 /MKN/2026

- Phương kiểm định:  
Direction of verification:

Nén  
Compression

**Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 1000) kN**

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
200,00	200,91	-0,45
400,00	401,12	-0,28
600,00	601,47	-0,24
800,00	797,82	0,27
1000,00	994,33	0,57

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,  
Tp. Cần Thơ - ĐT: 0909.992665 - 0775.992665  
Email: doluongcantho@gmail.com

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

# GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 0097 /MKN/2026



Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**  
Object:  
Kiểu: **TYA-2000** Số/Mã QL: **094**  
Type: Serial No./ Tag No.:  
Nơi sản xuất: **China** Năm: **2013**  
Manufacturer: Year:  
Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**  
Specifications: Accuracy class:  
- Phạm vi đo: **(0 ÷ 2000) kN** - Giá trị độ chia: **0,01 kN (0 ÷ 999,99) kN**  
Range: Actual scale interval: **0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN**  
Nơi sử dụng: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH - PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
Place: **Số 16, đường số 2 KDC Vạn Phúc, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh**  
Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
User: **53/137/8/21/7 đường 4, khu phố 25, phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh**  
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình kiểm định**  
Method of verification:  
Chế độ kiểm định: **Ban đầu**  
Type of verification:  
Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**  
Conclusion:  
Số tem kiểm định: **65A 12829**  
Verification stamp N<sup>o</sup>:  
Thời hạn đến: (\*) **14-4-2027**  
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier-by

Nguyễn Văn Luân

K.T. GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

0097 /MKN/2026

- Phương kiểm định:  
Direction of verification:

Nén  
Compression

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2000) kN

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
400,00	400,47	-0,12
800,00	799,34	0,08
1200,0	1199,43	0,05
1600,0	1599,35	0,04
2000,0	2000,34	-0,02

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 0036 /DTD/2026



Tên đối tượng: MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT

Object:

Kiểu: 4105A

Type:

Số/Mã QL: E8224173

Serial No./ Tag No.:

Ơi sản xuất: KYORITSU - Thái Lan

Manufacturer:

Năm: Không rõ

Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Phạm vi đo: (0 ÷ 1999) Ω

Range:

Nơi sử dụng: 53/137/8/21/7 đường 4, Khu phố 25, phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Place:

Người/Đơn vị sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 143: 2019 Phương tiện đo điện trở tiếp đất - Quy trình  
kiểm định

Method of verification:

Chế độ kiểm định: Ban đầu

Type of verification:

ết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định: 65A 12830

Verification stamp N<sup>o</sup>:

Thời hạn đến: (\*) 14-4-2027

Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

K.T. GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH VERIFICATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 0036 /DTD/2026

## Đặc tính đo lường (Specifications):

Thang đo <i>Level</i>	Phạm vi đo <i>Range</i>	Sai số cho phép của nhà sản xuất <i>Manufacturer's allowable deviation</i>
20 $\Omega$	(0,00 ÷ 19,99) $\Omega$	$\pm 2\%$ giá trị đọc $\pm 0,1 \Omega$
200 $\Omega$	(0,0 ÷ 199,9) $\Omega$	$\pm 2\%$ giá trị đọc $\pm 3$ dgt (lớn hơn 20 $\Omega$ )
2000 $\Omega$	(0 ÷ 1999) $\Omega$	

*Handwritten signature*



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN CAL - GROUP ( DK400 )  
4355 Phạm Văn Đồng, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày / Date: 04/05/2026 Số chứng nhận / Report No: KDHT220526-N01  
Mã số / WO: WO-KDHT220526 Nhà sản xuất / Manufacturer: CHINA  
Mã đơn hàng / PO: PO-KDHT220526 Mô tả / Description: Tỷ trọng kế / Hydrometer  
Quy trình / Procedure: CG-71 Kiểu / Mode: N/A  
Mã số TS / Asset: KDHT040526-01 Số seri / Serial: N/A



Tình Trạng Khi Nhận / Condition Received: Thiết bị còn hoạt động / The Device Is Still Working Nơi Hiệu Chuẩn / Calibration Place: Laboratory  
Tình Trạng Khi Giao / Condition Returned: Đạt yêu cầu sử dụng / In Tolerance Ngày Hiệu Chuẩn / Calibration Date: 04/05/2026  
Nhiệt độ thực tế / Actual Temperature: 23 °C Độ ẩm thực tế / Actual Humidity: 50 %RH

Chu kỳ HC lại theo yêu cầu KH / Calibration interval request of Customer: 12 Tháng  
Ngày HC lại theo yêu cầu KH / Recalibration date as request of Customer: 04/05/2027  
Lập Chứng Nhận / Certified by: Tu Hữu



Công ty / Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
Địa chỉ / Address: 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 6, Phường Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chuẩn sử dụng / Standard Utilized

Chuẩn / Standard	Mô tả / Description	NSX / Manufacturer	Ngày hết hạn / Due Date	Chuẩn liên kết / Traceable to
HY01	Hydrometer (3071003)	LUDWIG SCHNEIDER	07/2026	QUATEST 3

Yêu cầu đặc biệt / Special Requirement:

Phương tiện này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện nhóm 2. Mẫu giấy chứng nhận này hiệu lực cho phương tiện đo nhóm 1.

.. AOSC là thành viên của Tổ chức Hợp tác Công nhận Châu Á - Thái Bình Dương (APAC), thành viên của Tổ chức Hợp tác Công nhận Phòng thí nghiệm Quốc tế (ILAC) / AOSC is a member of the Asia-Pacific Accreditation Cooperation Organization (APAC), a member of the International Laboratory Accreditation Cooperation Organization (ILAC)

100. Số đăng ký bởi Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng - Bộ Khoa Học Công Nghệ Việt Nam cấp / DK 400: Registered number issued by the Directorate for Standards and Quality - Ministry of Science and Technology Vietnam.

1. Giấy chứng nhận này xác nhận rằng thiết bị ở trên đã được hiệu chuẩn phù hợp với các yêu cầu của hệ thống hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 theo các thủ tục tham chiếu. Các chỉ tiêu có dấu \* là chưa được công nhận. Các chuẩn được sử dụng để thực hiện hiệu chuẩn này được chứng nhận hoặc truy xuất với VMI / QUATEST 3 / TTDL... / That certifies that the above instrument was calibrated in compliance with the Calibration System Requirement of ISO/IEC 17025:2017, in accordance with referenced procedures. The characteristics marked with \* are not accredited yet. Standards used to perform this calibration certified by or traceable to VMI / QUATEST 3 / TTDL...

1. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k=2, mức tin cậy 95% / Estimated expanded uncertainty of measurement with k=2, at 95% confidence level.

1. Giấy chứng nhận này không được phép sao chép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản rõ ràng của Công Ty Cổ Phần Hiệu Chuẩn Cal-Group / This certificate shall not reproduced without the prior express written consent of Cal-Group Calibration Joint Stock Company.

(Kết quả xem trang sau / Results see next page)

Chứng nhận / Certified by:

Nguyễn Minh Nhật

Phê Duyệt / Approved by:

Đặng Hoàng Phi Long



# Chứng nhận hiệu chuẩn / Certificate of Calibration

Số chứng nhận / Report No: KĐHT220526-N01



Nhà sản xuất / Manufacturer: CHINA  
Mô tả / Description: Tỷ trọng kế / Hydrometer  
Kiểu, mẫu / Model: N/A  
Mã quản lý / Asset: KĐHT040526-01  
Số Seri / Serial: N/A  
Ngày HC / Calibration Date: 04/05/2026



## Kết quả hiệu chuẩn / Results of Calibration:

Thang đo Range	Giá trị chuẩn Standard Value	Đơn Vị Units	Giá trị đo UUT Value	Sai số Error	Kết quả Result	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded Uncertainty	Dung sai Tolerance	
							Cận dưới Min Value	Cận trên Max Value
1.100 ÷ 1.200) %Vol	1.108	g/cm <sup>3</sup>	1.108	0.000	Đạt / Pass	0.015	1.106	1.110
	1.148	g/cm <sup>3</sup>	1.147	-0.001	Đạt / Pass	0.015	1.146	1.150
	1.187	g/cm <sup>3</sup>	1.186	-0.001	Đạt / Pass	0.015	1.185	1.189

## Thông tin khác / Other informations:

KĐBD là độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k=2, phân bố chuẩn tương ứng 95% độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

Giá trị của thiết bị được kiểm tra. / Unit Under Test Value (UUT Value).

Dung sai : Dựa trên thông số kỹ thuật của nhà sản xuất. / Tolerance : base on Manufacturer's Specifications.

Dung sai : Theo yêu cầu của khách hàng. / Tolerance according to customer's request.

Sai số bằng giá trị của thiết bị được hiệu chuẩn trừ cho giá trị chuẩn. / Error = UUT Value - Standard Value.

Giá trị dưới / Cận trên : Phạm vi mà giá trị đơn vị được kiểm tra phải nằm trong điều kiện này là Đạt. / Min / Max: The range of values that the Device is required to be in this condition to Pass.

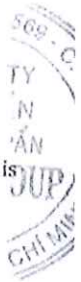
Phát biểu Đạt hay Không Đạt. / Statements of Pass or Fail.

Độ không đảm bảo đo đã được tính đến khi xác định sự phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo mục 4.2.1, ILAC-G8:09/2019. / The uncertainty of measurement has been taken into account when determining compliance with specification according to section 4.2.1, ILAC-G8:09/2019

Trạng thái tuân thủ các tiêu chí trong báo cáo là. / The status of compliance with the acceptance criteria is reported as:

ĐẠT - Giá trị đo trung bình nằm trong khoảng dung sai cho phép. / PASS - Average measured value is within tolerance.

KHÔNG ĐẠT - Giá trị đo trung bình nằm ngoài khoảng dung sai cho phép. / FAIL - The average measured value is out of tolerance





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website: www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
 CERTIFICATE OF CALIBRATION



Số (No): KV3 - 24885

Tên phương tiện đo /Object:

**NHIỆT KẾ CHỈ THỊ HIỆN SỐ**  
**DIGITAL THERMOMETER**

Kiểu : TP300  
 Type

Số hiệu : /  
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

-Phạm vi đo /range : (0÷300) °C  
 -Vạch chia /Division : 0,1 °C

Khách hàng :  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM  
 Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

ĐLVN 138 : 2004

Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-KV3.NĐ03- Chuẩn Nhiệt độ / Temperature standards  
 -Hiệu lực /Due date : 14/11/2026  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 2) °C  
 -Độ ẩm /Relative humidity : < 50 %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 24885

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

05/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**

**Nô Thị Hiền**

Trang/Page  
 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24885**  
*( Attached to certificate No )*

Giá trị chỉ thị/ Reading on tester (°C)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (°C)	Sai số/ Error (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty k = 2; P = 95% (°C)
50,0	50,1	-0,1	0,46
100,0	100,3	-0,3	
150,0	150,8	-0,8	



**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
  
- **Giá trị nhiệt độ được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**  
*The temperature value is calibrated as the customer's requirement.*
- **Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.**  
*The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.*
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- **Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Name of customer is written as customer's request.*





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): **KV3 - 25069**

Tên phương tiện đo /Object:

**NHIỆT KẾ THỦY TINH CHẤT LỎNG**  
**LIQUID IN GLASS THERMOMETERS**

Kiểu : ALL33351  
 Type

Số hiệu : /  
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo /range : (-20÷110) °C  
 Technical Specification -Vạch chia /Division : 1 °C

Cỡ sở sử dụng:  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM  
 PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration:

ĐLVN 137 : 2004

Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-KV3.NĐ03- Chuẩn Nhiệt độ / Temperature standards  
 -Hiệu lực /Due date : 14/11/2026  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 2) °C  
 -Độ ẩm /Relative humidity : < 50 %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 25069

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

25/05/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/05/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 05 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**

**Phó Thị Hiện**

Trang/Page  
 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 25069**

*( Attached to certificate No )*

Giá trị chỉ thị/ Reading on tester (°C)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (°C)	Sai số/ Error (°C)	Độ KĐBB mở rộng/ Expanded uncertainty k = 2; P = 95% (°C)
50,0	50,1	-0,1	0,74
70,0	70,2	-0,2	
100,0	100,5	-0,5	

**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
  
- Giá trị nhiệt độ được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The temperature value is calibrated as the customer's requirement.*
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.  
*The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
 CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24152



Tên phương tiện đo /Object:

**ĐỒNG HỒ SO**  
**DIAL INDICATOR**

Kiểu : 3058S-19  
 Type

Số hiệu :  
 Serial No

MUH342

Nơi sản xuất : Mitutoyo-Nhật  
 Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

-Phạm vi đo / range : (0÷50) mm  
 -Vạch chia / Division : 0,01 mm

Khách hàng :  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3  
 Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03  
 -Hiệu lực /Due date : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (20 ± 3) °C  
 -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả/ Results : Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm  
 ĐKĐBĐ/ Uncertain : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24152

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

14/01/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

14/01/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 14 tháng 01 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 24153**



Tên phương tiện đo /Object:

**ĐỒNG HỒ SO**  
**DIAL INDICATOR**

Kiểu : 3058F  
 Type

Số hiệu :  
 Serial No

BJE737

Nơi sản xuất : Mitutoyo-Nhật  
 Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

-Phạm vi đo / range : (0÷50) mm  
 -Vạch chia / Division : 0,01 mm

Khách hàng :  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM  
 PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03  
 -Hiệu lực /Due date : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (20 ± 3) °C  
 -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả/ Results :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm  
 ĐKĐBĐ/ Uncertain : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24153

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

14/01/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

14/01/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 14 tháng 01 năm 2026  
 Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS.Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**  
 CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3  
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
 Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có niên trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 24876**



Tên phương tiện đo /Object:

**GÔNG TỪ**

**MAGNETIC YOKE TESTING INSTRUMENT**

Kiểu : /

Số hiệu :

5339

Nơi sản xuất :

Hàn Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

Korea

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Sức nâng / Lifting Power:

7 kg

*Technical Specification*

Khách hàng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

*Calibration Place*

Phương pháp thực hiện /Method of calibration:

KV3/QTHC- Đ02 : 2019

Gông từ - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng /Standards Used :

Quả tải / Steel weight : 4,536 kg (10 lbs)

Kết quả /Results:

Sức nâng (Lifting Power) > 4,5 kg (10 lbs)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24876

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

05/03/2027

*Recalibration Date as Request of Customer*

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

*Date of issue*

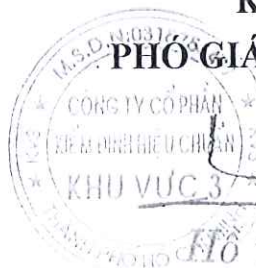
**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*Head of Measurement Laboratory*

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**



**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page  
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**  
**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 24878**



Tên phương tiện đo (Object): **VÒNG LỰC MÁY BA TRỤC**  
**LOAD RING OF TRIAXIAL TESTING MACHINE**

Kiểu : NÉN Số hiệu : 02212 Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo ( range): ( 0÷3 ) kN  
 Technical Specification -Đồng hồ so : + Phạm vi đo/Range: 10 mm  
 Dial indicator + Giá trị vạch chia/Division: 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HÙNG THỊNH**  
 Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM  
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standars  
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường  
 -Hiệu lực (Due date) : 30/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23 ± 5) °C  
 Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ): KV3 - 24878  
 Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 05/03/2026  
 Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 05/03/2027  
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**

**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page  
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24878**  
( Attached to certificate No )

<b>Giá trị đọc trên phương tiện đo</b> <i>Reading on tester (vạch / 0,01mm)</i>	<b>Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn</b> <i>Average reading on equipment (kN)</i>	<b>Độ không đảm bảo đo mở rộng</b> <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	0,00
25	0,3059	1,00
50	0,6085	1,00
75	0,9245	1,00
100	1,2459	1,00
125	1,5349	1,00
150	1,8341	1,00
175	2,1392	1,00
200	2,4473	1,00

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,0123x$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), Vạch / 0,01 mm

**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): **KV3 - 20132**



Tên phương tiện đo (Object):

**VÒNG LỰC MÁY CẮT PHẪNG**  
**LOAD RING OF SHEAR MACHINE**

Kiểu : **NÉN**  
Type

Số hiệu :  
Serial No

**00896**

Nơi sản xuất :  
Manufacturer

**Trung Quốc**  
**China**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) :

**( 0÷1,2 ) kN**

Technical Specification

-Đồng hồ so : + Phạm vi đo/Range:

**10 mm**

Dial indicator

+ Giá trị vạch chia/Division:

**0,01 mm**

Khách hàng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer

**53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM**

Nơi hiệu chuẩn :

**Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM**

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

**ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn (Standards): **KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standars**

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

**VMI - Viện đo lường**

-Hiệu lực (Due date) :

**30/09/2026**

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

**(23 ± 5) °C**

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label) :

**KV3 - 20132**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

**09/09/2025**

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

**09/09/2026**

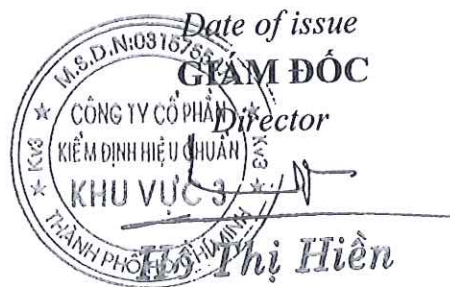
Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**



Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Thị Hiền**

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20132**  
*( Attached to certificate No )*

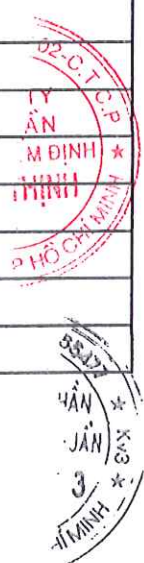
<b>Giá trị đọc trên phương tiện đo</b> <i>Reading on tester ( vạch / 0,01mm)</i>	<b>Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn</b> <i>Average reading on equipment ( kN )</i>	<b>Độ không đảm bảo đo mở rộng</b> <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	0,00
25	0,1297	1,00
50	0,2592	1,00
75	0,3903	1,00
100	0,5175	1,00
125	0,6478	1,00
150	0,7758	1,00
175	0,9022	1,00
200	1,0279	1,00

Phương trình hiệu chuẩn *(The calibration equation)*

$$y = 0,0052x$$

Với *(With)* y : Giá trị tính toán *(Calculated value)*, kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo *(Reading value)*, Vạch / 0,01 mm



**Ghi chú/Notes :**

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- **Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**  
*Name of customer is written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 24879



Tên phương tiện đo /Object:

**LÒ NUNG**  
**FURNACE**

Kiểu : SX2-4-10  
 Type

Số hiệu : 0812399  
 Serial No

Nơi sản xuất :  
 Manufacturer

Trung Quốc  
 China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

-Phạm vi đo /range : (0÷1200) °C  
 -Vạch chia /Division : 20 °C

Khách hàng :  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration:

KV3/QTHC- NĐ02 : 2019

Lò nung - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-KV3.NĐ03- Chuẩn Nhiệt độ / Temperature standards  
 -Hiệu lực /Due date : 14/11/2026  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C  
 -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 24879

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

05/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**



**Nguyễn Thị Hiền**

Trang/Page  
 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24879**  
*( Attached to certificate No )*

<b>Giá trị cài đặt/ Set Value ( °C )</b>	<b>Giá trị chỉ thị/ Reading on tester ( °C )</b>	<b>Giá trị chuẩn/ Reference Value ( °C )</b>	<b>Sai số Error ( °C )</b>	<b>Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty <i>k = 2; P = 95%</i> ( °C )</b>
200	200	205,9	-5,9	11,56
500	500	507,6	-7,6	11,56
1.000	1.000	1.012,8	-12,8	11,56

**Ghi chú/Notes :**

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định, thi pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**  
**2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Giá trị nhiệt độ được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**  
*The temperature value is calibrated as the customer's requirement.*
- **Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.**  
*The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.*
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- **Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**  
*Name of customer is written as customer's request.*



Trang/Trang

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

VPBD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh

G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
(INSPECTION CERTIFICATE)



Số (No): KV3 - 24881

Tên phương tiện đo (Object):

THIẾT BỊ SIÊU ÂM CỌC KHOAN NHỎ

CROSS HOLE ANALYZER

Kiểu : PDI

Số hiệu :

6338

Nơi sản xuất :

Mỹ

Type

Serial No

Manufacturer

USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - TCVN 9396:2012-12 ; ASTM D-6760

Technical Specification - Phạm vi đo (Range) : (0÷150) m

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) : Đo trực tiếp/ Direct comparison

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (60 ± 2) %RH

Kết quả (Results) : -Thiết bị hoạt động bình thường

- Thiết bị Phù hợp theo theo TCVN 9396:2012-12 ; ASTM D-6760

Tem đo, kiểm tra ( Inspection Label ):

KV3 - 24881

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
 (INSPECTION CERTIFICATE)



Số (No): KV3 - 24882

Tên phương tiện đo (Object):

**THIẾT BỊ KIỂM TRA BIẾN DẠNG**

*PILE INTEGRITY TESTER*

Kiểu : PIT  
 Type

Số hiệu  
 Serial No

4809CF

Nơi sản xuất :  
 Manufacturer

Mỹ  
 USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - TCVN 9397:2012 ; ASTM D5882-08

*Technical Specification*

Khách hàng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Đo trực tiếp/ Direct comparison

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (60 ± 2) %RH

Kết quả (Results) :

- Thiết bị hoạt động bình thường

- Thiết bị Phù hợp theo theo TCVN 9397:2012 ; ASTM D5882-08

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 24882

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection) :

05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection) :

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**

**Phó Thị Hiền**

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
 (INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 24880



Tên phương tiện đo (Object):

**THIẾT BỊ KIỂM TRA CỌC ĐỘNG**

*PILE DRIVING ANALYZER*

Kiểu : PDA  
 Type

Số hiệu : 3898  
 Serial No

Nơi sản xuất : Mỹ  
 Manufacturer USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Theo ASTM D4945-12 , TCVN 11321:2016

*Technical Specification*

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : Đo trực tiếp/ Direct comparison

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) :  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) :  $(60 \pm 2) \%RH$

Kết quả (Results) : Thiết bị hoạt động bình thường

Phù hợp theo theo ASTM D4945-12

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 24880

Ngày kiểm tra (Date inspection) : 05/03/2026

Ngày khuyến nghị kiểm tra tới (Recommended inspection) : 05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**

**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
 CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24877



Tên phương tiện đo (Object):

CÂN TỶ TRỌNG BÙN

MUD BALANCE

Kiểu : Ofite

Số hiệu : /

Nơi sản xuất : Ofite-Mỹ

Type

Serial No

Manufacturer USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Phạm vi đo / Measuring range: (0,8 – 2,7) g/cm<sup>3</sup>

Technical Specification - Giá trị vạch chia nhỏ nhất / Division : 0,01 g/cm<sup>3</sup>

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : So sánh trực tiếp / Direct comparison

Chuẩn được sử dụng ('Standards Used) : Bộ quả cân chuẩn F1 / Mass standards; class F1

Ống đong / Measuring cylinder

Cân điện tử cấp 2 / Electronic Balance; class 2

Kết quả (Results) : Sai số / error : ± 0,01 g/cm<sup>3</sup>

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label) : KV3 - 24877

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 05/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20133



Tên phương tiện đo (Object):

THƯỚC ĐO ĐỘ PHẪNG  
MEASURE FLATNESS

Kiểu : JZC-G2

Số hiệu : /

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type N/A

Serial No N/A

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước danh nghĩa: 3000x55x25mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

Đo trực tiếp/ Direct comparison

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Bộ căn mẫu chuẩn cấp 1 /Gauge blocks; Grade 1

Thước cuộn / Measuring Tapes

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with TCVN 8864:2011

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ):

KV3 - 20133

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

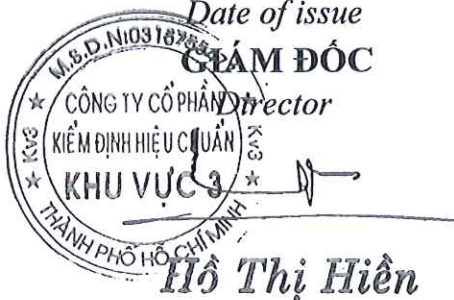
09/09/2026

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21597



THƯỚC CẶP  
CALIPER SQUARE

Tên phương tiện đo (Object):

Kiểu : Hiện số

Số hiệu : /

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷150) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,01mm

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 119 : 2003

Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): CAL GROUP - ĐK 400

-Hiệu lực (Due date) : 10/06/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 5) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label):

KV3 - 21597

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

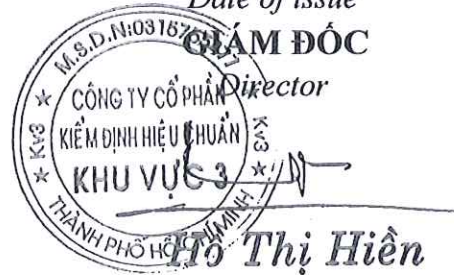
TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hoàng Thị Hiền

Trang/Page

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21597**  
*( Attached to certificate No )*

<i>Stt</i>	<i>Vị trí kiểm (Lenght test) (mm)</i>	<i>Giá trị đo được (Measurement) (mm)</i>	<i>Sai số (Error) (mm)</i>	<i>Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (mm)</i>
1	0	0,00	0,00	0,01
2	10	10,00	0,00	0,01
3	20	20,00	0,00	0,01
4	50	50,00	0,00	0,01
5	100	100,00	0,00	0,01
6	150	150,00	0,00	0,01

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng  $k = 2$ , mức tin cậy 95%  
*(The uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95 % confidence level).*

**Ghi chú/Notes :**

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the*
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- **Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Name of customer is written as customer's request.*



Trang/Page

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17035:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24852



Tên phương tiện đo (Object):

ỐNG ĐONG  
CYLINDER

Kiểu : Thang đo

Số hiệu : /

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No N/A

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Dung tích danh định/Nominal volume : 1000 mL

Technical Specification

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : KV3/QTHC- DT01 : 2019

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn dung tích (Standard volumetric)

Standards Used

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) :  $(20 \pm 3)$  °C

Environmental condition -Độ ẩm (Relative humidity) :  $(50 \pm 15)$  %RH

Kết quả (Results) : 1004,2 mL, ĐKĐBBĐ/ Uncertaint : U = 1 mL (k=2, P ≈ 95 %)

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 24852

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection) :

05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection) :

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Trang/Page

1 / 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**  
**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 24883**



Tên phương tiện đo /Object:

**TỦ SẤY**  
**DRY OVEN**

Kiểu : ED115  
 Type

Số hiệu : 03-57484  
 Serial No

Nơi sản xuất : Đức  
 Manufacturer Germany

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

-Phạm vi đo /range : (0÷300) °C  
 -Vạch chia /Division : 0,1 °C

Khách hàng :  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC- NĐ03 : 2019

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-KV3.NĐ03- Chuẩn Nhiệt độ / Temperature standards  
 -Hiệu lực /Due date : 14/11/2026  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C  
 -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 24883

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

05/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**



**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page  
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24883**  
( Attached to certificate No )

Giá trị cài đặt/ Set Value (°C)	Giá trị chỉ thị/ Reading on tester (°C)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (°C)	Sai số Error (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$ (°C)
100	100	100,3	-0,3	0,64
200	200	200,6	-0,6	0,64
250	250	250,8	-0,8	0,64

**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thủ pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
  
- Giá trị nhiệt độ được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
The temperature value is calibrated as the customer's requirement.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.  
The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
Name of customer is written as customer's request.

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 24851



Tên phương tiện đo (Object):

**VÒNG LỰC MÁY MARSHALL**  
**LOAD RING OF MARSHALL TESTING MACHINE**

Kiểu : NÉN  
 Type

Số hiệu :  
 Serial No

E0902

Nơi sản xuất :  
 Manufacturer

Trung Quốc  
 China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo ( range) :  
 Technical Specification

( 0÷30 ) kN  
 5 mm

-Đồng hồ so : . + Phạm vi đo/Range:  
 Dial indicator + Giá trị vạch chia/Division: 0,01 mm

Khách hàng :  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM  
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standards  
 Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường  
 -Hiệu lực (Due date) : 30/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23 ± 5) °C  
 Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label) : KV3 - 24851

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 05/03/2027  
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026  
 Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**KT. GIÁM ĐỐC / Vice Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
 KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN  
 KHU VỰC 3

**KT. Thị Hiền**

Trang/Page  
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
CALIBRATION RESULTS

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24851**  
( Attached to certificate No )

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester ( vạch / 0,01mm)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment ( kN)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	0,00
25	3,1340	1,00
50	6,2440	1,00
75	9,3240	1,00
100	12,3754	1,00
125	15,4610	1,00
150	18,6117	1,00
175	21,5640	1,00
200	24,7610	1,00

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,1237x$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN  
x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), Vạch / 0,01 mm



**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20131



Tên phương tiện đo (Object): **THIẾT BỊ DÒ TÌM SỰ ẨM MÒN CỐT THÉP**

Kiểu : XS-100 Số hiệu : 22406017 Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range): 1000 mv

Technical Specification -Vạch chia (Division): 0,1 mv

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : Đo trực tiếp/ Direct comparison

Chuẩn được sử dụng (Standards Used) : -Chuẩn (Standards): 20 mv

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature): (28 ± 5) °C

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity): < 50 %RH

Kết quả (Results) : Sai số / Error : ± 0,1 mv

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 20131

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

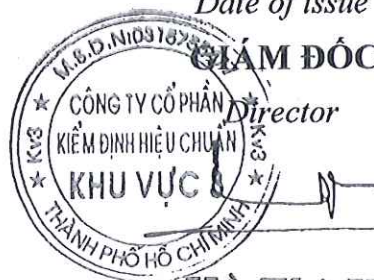
TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page  
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website: www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
 CERTIFICATE OF CALIBRATION



Số (No): KV3 - 25962

MÁY DÒ CỐT THÉP TRONG BÊ TÔNG

Tên phương tiện đo:

Object

Kiểu : LR-G150

Số hiệu :

G221070189

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Measuring range :

180 mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division):

0,1 mm

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD13 : 2019

Máy dò cốt thép - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Bộ căn mẫu song phẳng cấp 1 (Gauge block grade 1)

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(60 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Sai số ( Error) : ± 0,1 mm

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ):

KV3 - 25962

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration) :

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**  
**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 25961**



Tên phương tiện đo (Object):

**MÁY SIÊU ÂM BÊ TÔNG**  
**CONCRETE ULTRASONIC TESTER**

Kiểu : C369N

Số hiệu :

C369N/BA/0157

Nơi sản xuất :

Ý

Type

Serial No

Manufacturer

Italia

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo ( range):

3000  $\mu$ s

Technical Specification

-Vạch chia (Division):

0,1  $\mu$ s

Khách hàng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : KV3/QTHC- Đ03 : 2020

Máy siêu âm bê tông - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards Used) :

Thanh chuẩn (Standards) : 41,9  $\mu$ s

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) (28  $\pm$  5)  $^{\circ}$ C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : < 50 %RH

Kết quả (Results) :

Sai số / Error :  $\pm$  0,1  $\mu$ s

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ):

KV3 - 25961

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS.Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**



**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**  
**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): **KV3 - 24884**



Tên phương tiện đo (Object):

**THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG**  
**BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẬT NẤY**

Kiểu : / Số hiệu : 1L0103 Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) : (10 ÷ 100) R  
 Technical Specification -Giá trị vạch chia (Division) : 2 R

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM  
 Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM  
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nẩy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : - Đe hiệu chuẩn trị số bật nẩy 80 R  
 Standards Used by using calibration anvil 80 R

Điều kiện môi trường : - Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23± 2) °C  
 Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ) : KV3 - 24884

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 05/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**



**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page  
1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

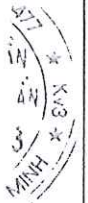
**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24884**  
*( Attached to certificate No )*

Kết quả Results	R <sub>1</sub>	R <sub>2</sub>	R <sub>3</sub>	R <sub>4</sub>	R <sub>5</sub>	RTB	Sai số tuyệt đối ( $\Delta$ )
	78	81	82	79	82	80	0

Độ không đảm bảo đo (*Expand Uncertainty*) : U = 1,20

**Ghi chú/Notes :**

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- **Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.**  
*Name of customer is written as customer's request.*





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**  
**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
**Số (No): KV3 - 24886**



Tên phương tiện đo /Object: **CÀN BENKELMAN**  
**BENKELMAN BEAM**

Kiểu : / Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Tỷ lệ /Ratio : 2 / 1 ( 2 m / 1 m )  
 Technical Specification -Phạm vi đo đồng hồ /Measuring range : 10 mm  
 -Giá trị vạch chia /Division: 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM  
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- ĐD01 : 2019  
 Càn Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài /Length Standard  
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: CAL GROUP - ĐK 400  
 -Hiệu lực /Due date : 10/06/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 5) °C  
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Sai số/Error: ± 1 % (Giá trị đọc/ of reading)  
 ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 24886

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 05/03/2027  
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026  
 Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**RHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**  
**Hồ Thị Hiền**





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
 CERTIFICATE OF CALIBRATION



Số (No): KV3 - 24887

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY DÒ KHUYẾT TẬT BẰNG SIÊU ÂM  
 DIGITAL ULTRASONIC FLAW DETECTOR

Kiểu : MFD350B  
 Type

Số hiệu : ED13090613  
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Measuring range : 6000 mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,1 mm

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD09 : 2019

Máy siêu âm mỗi hàn - Quy trình hiệu chuẩn  
 Tham khảo / Referring to ASTM E317-01

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-Bộ căn mẫu song phẳng cấp 1 (Gauge block grade 1)  
 -Dẫn xuất chuẩn (Traceability): TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity): (60 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Sai số ( Error ) : ± 1 %

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ):

KV3 - 24887

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration) :

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21600

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY NÉN CÓ KẾT TAM LIÊN CAO ÁP

HIGH PRESSURE TRIPLEX CONSOLIDATION APPARATUS

Kiểu : WG  
Type

Số hiệu :  
Serial No

3

Nơi sản xuất :  
Manufacturer

Trung Quốc  
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
Technical Specification

-Áp suất tối đa/ Capacity : 1600 kPa

-Tỷ lệ đòn danh nghĩa (Beam ratio): 1/12

-Diện tích khuôn mẫu/ Mould's area : 30 cm<sup>2</sup>

Khách hàng :  
Customer

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :  
Calibration Place

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
Standards Used

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standards

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date): 30/09/2026

Điều kiện môi trường :  
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21600

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21600

(Attached to certificate No)

Áp suất danh nghĩa	Lực nén qui đổi	Lực chuẩn	Sai số
<i>Norminal pressure</i>	<i>Equivalent compressive force</i>	<i>Standard force</i>	<i>Error</i>
(kPa)	(N)	(N)	(%)
<b>Đòn số/ Beam N0: 1</b>			
12,5	37,5	37,23	0,7
25	75,0	75,46	-0,6
50	150,0	150,95	-0,6
100	300,0	302,32	-0,8
200	600,0	603,46	-0,6
300	900,0	904,42	-0,5
400	1.200,0	1206,87	-0,6
800	2.400,0	2407,42	-0,3
1600	4.800,0	4809,31	-0,2
<b>Đòn số/ Beam N0: 2</b>			
12,5	37,5	37,622	-0,3
25	75,0	75,232	-0,3
50	150,0	151,236	-0,8
100	300,0	301,546	-0,5
200	600,0	603,692	-0,6
300	900,0	903,920	-0,4
400	1.200,0	1204,962	-0,4
800	2.400,0	2405,945	-0,2
1600	4.800,0	4806,816	-0,1
<b>Đòn số/ Beam N0: 3</b>			
12,5	37,5	37,0	1,4
25	75,0	75,1	-0,1
50	150,0	149,9	0,1
100	300,0	299,5	0,2
200	600,0	598,6	0,2
300	900,0	898,2	0,2
400	1.200,0	1198,2	0,2
800	2.400,0	2398,5	0,1
1600	4.800,0	4798,7	0,0





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**

**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 21599**

Tên phương tiện đo (Object):

**MÁY NÉN CÓ KẾT TAM LIÊN CAO ÁP**

**HIGH PRESSURE TRIPLEX CONSOLIDATION APPARATUS**

Kiểu : WG  
Type

Số hiệu :  
Serial No

52

Nơi sản xuất :  
Manufacturer

Trung Quốc  
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
Technical Specification

-Áp suất tối đa/ Capacity : 1600 kPa

-Tỷ lệ đòn danh nghĩa (Beam ratio) :

1/12

-Diện tích khuôn mẫu/ Mould's area :

30 cm<sup>2</sup>

Khách hàng :  
Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HÙNG THỊNH**

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :  
Calibration Place

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
Standards Used

-Lực kế chuẩn (Standards) : KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability) :

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date) :

30/09/2026

Điều kiện môi trường :  
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label ):

KV3 - 21599

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

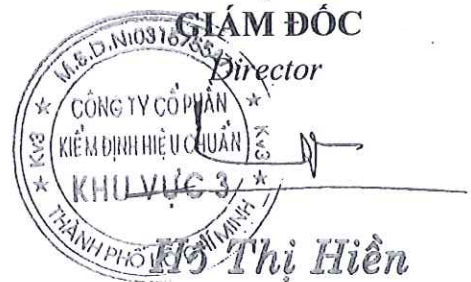
**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS.Đặng Quốc Dũng**

**GIÁM ĐỐC**

Director



**Thị Hiền**

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21599

(Attached to certificate No)

Áp suất danh nghĩa	Lực nén qui đổi	Lực chuẩn	Sai số
<i>Norminal pressure</i>	<i>Equivalent compressive force</i>	<i>Standard force</i>	<i>Error</i>
(kPa)	(N)	(N)	(%)
<b>Đòn số/ Beam N0: 1</b>			
12,5	37,5	37,64	-0,4
25	75,0	75,46	-0,6
50	150,0	150,91	-0,6
100	300,0	300,83	-0,3
200	600,0	601,46	-0,2
300	900,0	901,35	-0,1
400	1.200,0	1203,16	-0,3
800	2.400,0	2405,67	-0,2
1600	4.800,0	4809,46	-0,2
<b>Đòn số/ Beam N0: 2</b>			
12,5	37,5	37,622	-0,3
25	75,0	75,232	-0,3
50	150,0	151,236	-0,8
100	300,0	301,546	-0,5
200	600,0	603,692	-0,6
300	900,0	903,920	-0,4
400	1.200,0	1204,962	-0,4
800	2.400,0	2405,945	-0,2
1600	4.800,0	4806,816	-0,1
<b>Đòn số/ Beam N0: 3</b>			
12,5	37,5	37,7	-0,4
25	75,0	75,2	-0,3
50	150,0	150,9	-0,6
100	300,0	301,3	-0,4
200	600,0	601,6	-0,3
300	900,0	902,3	-0,3
400	1.200,0	1202,6	-0,2
800	2.400,0	2405,6	-0,2
1600	4.800,0	4806,4	-0,1





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21598

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY NÉN CÓ KẾT TAM LIÊN CAO ÁP

HIGH PRESSURE TRIPLEX CONSOLIDATION APPARATUS

Kiểu : WG

Số hiệu :

51

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Áp suất tối đa/ Capacity : 1600 kPa

Technical Specification

-Tỷ lệ đòn danh nghĩa (Beam ratio): 1/12

-Diện tích khuôn mẫu/ Mould's area : 30 cm<sup>2</sup>

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date): 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label):

KV3 - 21598

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

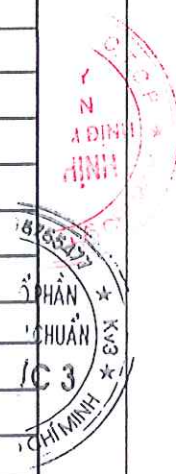
# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21598

(Attached to certificate No)

Áp suất danh nghĩa	Lực nén qui đổi	Lực chuẩn	Sai số
<i>Norminal pressure</i>	<i>Equivalent compressive force</i>	<i>Standard force</i>	<i>Error</i>
( kPa)	( N)	( N)	( %)
<b>Đòn số/ Beam N0: 1</b>			
12,5	37,5	37,30	0,5
25	75,0	75,20	-0,3
50	150,0	151,12	-0,7
100	300,0	301,52	-0,5
200	600,0	602,62	-0,4
300	900,0	902,79	-0,3
400	1.200,0	1203,95	-0,3
800	2.400,0	2403,59	-0,1
1600	4.800,0	4804,92	-0,1
<b>Đòn số/ Beam N0: 2</b>			
12,5	37,5	37,622	-0,3
25	75,0	75,232	-0,3
50	150,0	151,236	-0,8
100	300,0	301,546	-0,5
200	600,0	603,692	-0,6
300	900,0	903,920	-0,4
400	1.200,0	1204,962	-0,4
800	2.400,0	2405,945	-0,2
1600	4.800,0	4806,816	-0,1
<b>Đòn số/ Beam N0: 3</b>			
12,5	37,5	37,0	1,4
25	75,0	75,1	-0,1
50	150,0	149,9	0,1
100	300,0	299,5	0,2
200	600,0	598,6	0,2
300	900,0	898,2	0,2
400	1.200,0	1198,2	0,2
800	2.400,0	2398,5	0,1
1600	4.800,0	4798,7	0,0





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)**

**ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)**

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

**Số (No): KV3 - 21594**



Tên phương tiện đo (Object):

**VÒNG LỰC**  
**RING FORCE**

Kiểu : **NÉN**  
Type

Số hiệu : **A0173**  
Serial No

Nơi sản xuất : **Trung Quốc**  
Manufacturer **China**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) :

**( 0÷30 ) kN**

Technical Specification

-Đồng hồ so : + Phạm vi đo/Range:

**10 mm**

Dial indicator + Giá trị vạch chia/Division: **0,01 mm**

Khách hàng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :  
Calibration Place

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

**ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
Standards Used

-Lực kế chuẩn (Standards): **KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standars**

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

**VMI - Viện đo lường**

-Hiệu lực (Due date) :

**30/09/2026**

Điều kiện môi trường :  
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

**(23 ± 5) °C**

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn ( Calibration Label) :

**KV3 - 21594**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

**09/09/2025**

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

**09/09/2026**

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
Head of Measurement Laboratory

**KS.Đặng Quốc Dũng**



Date of issue

**GIAM ĐỐC**

Director

**Hồ Thị Hiền**

Trang/Page  
1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21594**  
( Attached to certificate No )

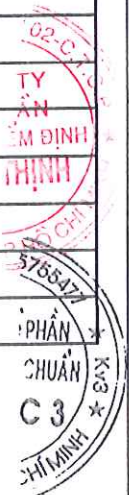
<b>Giá trị đọc trên phương tiện đo</b> <i>Reading on tester ( vạch / 0,01mm)</i>	<b>Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn</b> <i>Average reading on equipment ( kN )</i>	<b>Độ không đảm bảo đo mở rộng</b> <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	0,00
25	3,0693	1,00
50	6,0236	1,00
75	9,1113	1,00
100	12,1271	1,00
125	15,1761	1,00
150	18,1377	1,00
175	21,1745	1,00
200	24,1441	1,00

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,121x$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), Vạch / 0,01 mm



**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
 CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24888



Tên phương tiện đo /Object:

**ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM**

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống Số hiệu : 11201 Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Type Bourdon Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường : -Phạm vi đo /range : (0 ÷ 4) MPa  
 Technical Specification -Vạch chia /Division : 0,05 MPa

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**

Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất  
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38  
 -Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C  
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:  Có / Yes  Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 24888

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 05/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 05/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director**



**Hồ Thị Hiền**

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24888**

*(Attached to certificate No)*

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,505	0,506
1,0	1,012	1,013
1,5	1,513	1,514
2,0	2,053	2,055
2,5	2,539	2,540
3,0	3,050	3,051

Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2,15$  mức tin cậy 95%,  $U = 1,34 \%$

*(Expanded Uncertainty of measurement with  $k=2,15$  at 95%,  $U = 1,34 \%$ )*



**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21592



Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC  
HYDRAULIC JACK

Kiểu : MH-20

Số hiệu : 6

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial N°

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity :

( 0 ÷ 200 ) kN

Technical Specification

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range:

( 0 ÷ 400 ) kg/cm<sup>2</sup>

Pressure gauge

+ Giá trị vạch chia/Division:

10 kg/cm<sup>2</sup>

Khách hàng :

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH

Customer

53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

Số 16 Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình, TP. HCM

Calibration Place

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 21592

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21592  
( Attached to certificate No )

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm<sup>2</sup></i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
50	8,325	2,71
100	18,249	2,00
150	28,080	2,00
200	38,233	2,00
250	47,916	2,00
300	57,758	2,00
350	67,400	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,1933x - 0,46$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value),



**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 26731

Tên phương tiện đo / Object:

**KÍCH THỦY LỰC**  
**HYDRAULIC JACK**

Kiểu : RCH-30100  
 Type

Số hiệu :  
 Serial N°

312

Nơi sản xuất :  
 Manufacturer

Nhật  
 Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity:

( 0 ÷ 300 ) kN

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range:  
 Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division:

( 0 ÷ 800 ) kg/cm<sup>2</sup>  
 20 kg/cm<sup>2</sup>

Cơ sở sử dụng:  
 Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH**  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM  
 PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Nơi hiệu chuẩn :  
 Calibration Place

Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standard  
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường  
 -Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 26731

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

23/05/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

23/05/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 24 tháng 05 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**KS. Đặng Quốc Dũng**

**KT. GIÁM ĐỐC**

Vice Director



Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**

**Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 26731**

( Attached to certificate No )

<b>Giá trị đọc trên phương tiện đo</b> <i>Reading on tester , kg/cm<sup>2</sup></i>	<b>Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn</b> <i>Reading on tester , kN</i>	<b>Độ không đảm bảo đo mở rộng</b> <i>Expanded uncertainty</i> <i>k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	45,917	2,00
200	88,465	2,00
300	134,645	2,00
400	180,507	2,00
500	226,352	2,00
600	269,532	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,4504x - 0,0427$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value),

**Ghi chú/Notes :**

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.  
*Recommended recalibration date as request of customer.*
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.  
*Name of customer is written as customer's request.*





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
 (INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 24893



Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM  
 TEST SIEVES

Kiểu /  
 Type

Số hiệu : /  
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 5 mm  
 Nominal sizes of openings

Khách hàng :  
 Customer

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) : Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :  
 Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):  
 Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm  
 Kính hiển vi công cụ / Microscope  
 Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C  
 -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra ( Inspection Label ):

KV3 - 24893

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

05/03/2027

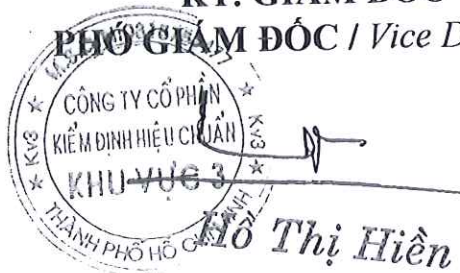
TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026  
 Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Trang/Page  
 01

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
 (INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 24889



Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM  
 TEST SIEVES

Kiểu / Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: Kích thước lỗ danh nghĩa: 2,5 mm  
 Technical Specification Nominal sizes of openings

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
 Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection): Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards):  
 Standards Used Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm  
 Kính hiển vi công cụ / Microscope  
 Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C  
 Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra ( Inspection Label ): KV3 - 24889

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection): 05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026  
 Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC  
 Phó Giám Đốc / Vice Director  
 HỒ THỊ HIỀN

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add): Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPĐD: Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail: kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website: www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
 (INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 24892



Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM  
 TEST SIEVES

Kiểu /  
 Type

Số hiệu: /  
 Serial No

Nơi sản xuất: Trung Quốc  
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
 Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 0,63 mm  
 Nominal sizes of openings

Khách hàng:  
 Customer

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng:  
 Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):  
 Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm  
 Kính hiển vi công cụ / Microscope  
 Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường:  
 Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C  
 -Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 24892

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
 (INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 24890



Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM  
 TEST SIEVES

Kiểu / Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc  
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: Kích thước lỗ danh nghĩa: 1,25 mm  
 Technical Specification Nominal sizes of openings

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
 Customer 53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection): Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards):  
 Standards Used Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm  
 Kính hiển vi công cụ / Microscope  
 Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C  
 Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra ( Inspection Label ): KV3 - 24890

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection): 05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director  
 CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3  
 HỒ Thị Hiền

Trang/Page  
 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)  
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh  
VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh  
G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA  
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 24891



Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM  
TEST SIEVES

Kiểu /  
Type

Số hiệu : /  
Serial No

Nơi sản xuất :  
Manufacturer

Trung Quốc  
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 0,14 mm  
Nominal sizes of openings

Khách hàng :  
Customer

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH HƯNG THỊNH  
53/137/8/21/7 Đường 4, Khu phố 25, Phường Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :  
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):  
Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm  
Kính hiển vi công cụ / Microscope  
Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :  
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C  
-Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra ( Inspection Label ):

KV3 - 24891

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

05/03/2026

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

05/03/2027

TP.HCM, Ngày 07 tháng 03 năm 2026  
Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN  
KHU VỰC 3  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
  
Hồ Thị Hiền

Trang/Page  
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).